

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/DS-ST
Ngày: 12-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đức Lợi;
- Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 511/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Minh C, sinh năm 1963; thường trú: 64 đường 9, khu phố 1, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: số 53, đường ĐT743, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1975; thường trú: 12/15, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Kim A, sinh năm 1959; địa chỉ: 64 đường 9, khu phố 1, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24-10-2023, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Minh C trình bày:

Ông Trần Minh C và ông Trần Văn V là bạn bè lâu năm. Năm 2014 ông V hỏi vay ông C số tiền 200 triệu đồng để mua vật tư làm ngành gỗ. Hai bên thỏa thuận ông C cho ông V vay số tiền 200 triệu đồng trong thời hạn 01 năm, từ ngày 17/4/2014 đến ngày 17/4/2015, tiền lãi 2%/tháng. Tại nhà ông V, sau khi hai bên thỏa thuận thống nhất thì ông C viết giấy nợ đề ngày 17/4/2014, trong đó có nội dung ông C cho ông V vay 200 triệu đồng, thời hạn như trên. ông C đã giao cho ông V số tiền vay 200 triệu đồng, sau đó ông V ký và ghi rõ họ tên vào giấy nợ.

Kể từ khi nhận tiền vay ông V chưa thanh toán tiền lãi cho ông C, tuy nhiên ông V nói với ông C về việc ông V đang phải đầu tư mua xưởng kinh doanh, sau đó con gái đang đi du học nên kẹt tiền. ông V trình bày khi nào ông V bán được đất thì sẽ tính toán tiền gốc và lãi để ông V thanh toán luôn một lần. Do hai bên là chỗ quen biết thân tình, số tiền vay và tiền lãi không quá lớn, ông C cũng đồng ý chờ ông V bán đất để thanh toán nợ nên kéo dài thời gian cho đến nay. Đến khoảng tháng 4/2023 ông V bỏ đi đâu không rõ, ông C liên lạc không được và cũng không có cách nào đòi lại tiền vay nên ông C khởi kiện ông V yêu cầu ông V trả cho ông C số tiền vay gốc là 200 triệu đồng. ông C không yêu cầu ông V trả tiền lãi. ông C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông V.

Tại Bản tự khai bổ sung, ông C trình bày: Thực tế ông và vợ là bà Đỗ Kim Á đã ly thân từ lâu, nay bà Á có ý kiến xác định số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng thì ông cũng đồng ý. Ông thay đổi yêu cầu khởi kiện: buộc ông Trần Văn V trả cho vợ chồng ông là Trần Minh C và Đỗ Kim Á số tiền vay là 200.000.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Trần Văn V: ông V đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, triệu tập yêu cầu đến Tòa án để tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa, nhưng trong suốt quá trình tố tụng bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Kim Á trình bày: Bà và ông Trần Minh C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T (nay là phường L, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 01, ngày 08/3/1989. Khoảng từ năm 2016 ông C bỏ đi sống ở đâu không rõ, hai vợ chồng bà ly thân cho đến nay. Bà không biết ông Trần Văn V là ai, không biết việc ông C thỏa thuận với ông V về việc cho vay tiền ra sao. Bà chỉ biết trước đó ông C nói bà ra Ngân hàng ký vay tiền, sau đó ông C đưa

tiền đi đầu tư ở đâu thì bà không rõ. Nay bà xác định do bà và ông C vẫn trong thời kỳ hôn nhân nên khoản tiền ông C cho ông V vay là tài sản chung của vợ chồng. Nay ông C khởi kiện ông V yêu cầu trả số tiền 200.000.000 đồng thì bà cũng yêu cầu được hưởng 50% số tiền này theo quy định của pháp luật do đây là tài sản CH trong thời kỳ hôn nhân.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 05/01/2024, 12/01/2024 nhưng đều vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Trần Văn V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Kim A đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa vào các ngày 05/01/2024, 12/01/2024 nhưng ông V, bà A vắng mặt không rõ lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định của Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Trần Minh C khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn V trả cho vợ chồng ông số tiền vay là 200.000.000 đồng. Chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là bản chính văn bản đề ngày 17/4/2014. Nội dung thể hiện: “Tôi tên Trần Minh C, hiện cư ngụ tại số 64, đường số 9, phường L, thành phố T. Tôi có cho A V, Trần Văn V, sinh năm 1975, Quảng Nam, CMND số 281110126, có cho anh V mượn số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu đồng chẵn), thời gian mượn 12 tháng kể từ ngày 17-4-2014 đến 17-4-2015”. Tại văn bản này có chữ ký và ghi họ tên người mượn Trần Văn V. Nguyên đơn trình bày sau khi nhận tiền bị đơn không trả lãi như thỏa thuận, hết thời hạn vay tiền bị đơn không trả tiền gốc. Quá trình tố tụng, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bị đơn về việc thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ... nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do đồng thời không cung cấp văn bản thể hiện việc phản đối yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền là có thật. Tại văn bản do nguyên đơn cung cấp không thể hiện việc thỏa thuận tiền lãi, đồng thời nguyên đơn cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh về việc cho vay tiền

có lỗi. Tuy nhiên hết thời hạn vay tiền bị đơn không trả tiền vay cho nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng theo quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả lại toàn bộ số tiền vay 200.000.000 đồng là có căn cứ. Nguyên đơn xác định không yêu cầu tiền lãi nên không xem xét.

[3] Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Kim Á có ý kiến xác định số tiền 200.000.000 đồng cho vay nói trên là tài sản chung của vợ chồng bà và ông Trần Minh C, do đó yêu cầu được hưởng số tiền này. Xét, ông C và bà Á thừa nhận thời điểm ông C cho ông V vay tiền (ngày 17/4/2014) mặc dù bà Á không biết nhưng vẫn trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng, số tiền cho ông V vay là tài sản chung của vợ chồng. Đồng thời, ông C có văn bản xác định lại yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông V trả cho vợ chồng ông số tiền 200.000.000 đồng là phù hợp nên ghi nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An.

[5] Chi phí tố tụng khác: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.356.363 đồng, nguyên đơn ông Trần Minh C tự nguyện chịu, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng chi phí nguyên đơn đã nộp tại Tòa án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 238, 229, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 280, 357, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2 và Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh C về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn ông Trần Văn V.

Buộc ông Trần Văn V trả cho ông Trần Minh C và bà Đỗ Kim Á số tiền vay 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn V phải chịu 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chi phí tố tụng khác: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.356.363 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng chi phí nguyên đơn đã nộp tại Tòa án.

4. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân